TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TX THÀNH PHỐ** **HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105/2019/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày* 25 *tháng* 3 *năm* 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Ông LTH, sinh năm 1975

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Số 138 ngõ 211 KT, phường KĐ, quận TX, thành phố Hà Nội.

2. Bà ĐML, sinh năm 1975

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: P1-K9 tổ 16, phường TQ, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

(1). Ngày 13.3.2019, ông LTH và bà ĐML có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận TX giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nội dung yêu cầu cụ thể như sau:

+ Về hôn nhân:

Ông LTH và bà ĐML kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06.02.2001 tại UBND phường KĐ, quận TX, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

+ **Về con chung;** Ông LTH và bà ĐML có 02 con chung là: LTN (nam), sinh ngày 24.01.2002 và LNK (nam) sinh ngày 08.3.2007.

Sau khi ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận giao con chung LTN cho ông LTH trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung LNK cho bà ĐML trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền đi lại chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

+ **Về tài sản chung, vay nợ chung và riêng:** Ông LTH và bà ĐML tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

+ **Về lệ phí:** Ông LTH và bà ĐML tự chịu lệ phí ly hôn theo quy định.

(2). Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành tại Tòa án nhân dân quận TX ngày 15 tháng 3 năm 2019, các bên đương sự đã thống nhất được toàn bộ nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông LTH và bà ĐML thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông LTH và bà ĐML có 02 con chung là: LTN (nam), sinh ngày 24.01.2002 và LNK (nam) sinh ngày 08.3.2007.

Giao con chung LTN cho ông LTH trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung LNK cho bà ĐML trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền đi lại chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Ông LTH và bà ĐML tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông LTH và bà ĐML không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông LTH và bà ĐML mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp tại biên lai số 0005791 ngày 15.3.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TX, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).